



1202 Series BÁNH XE LỐP HƠI 風輪系列

- Chịu tải lớn, dùng để vận chuyển đồ nặng, di chuyển êm, nhẹ nhàng, thích hợp sử dụng cho những nơi bề mặt gồ ghề và có nhiều vật cản.
- 高負載，用於重物搬運，行走寧靜，尤其適用於凹凸不平的路面及雜物較多的環境。

Tải trọng 載重
100-200 kg



» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh xe lốp hơi có sấm
(mâm thép sơn màu)
風輪(烤漆鐵框)



Bánh xe lốp hơi có sấm
(mâm nhựa)
風輪(塑框)



Bánh xe lốp hơi có sấm
(mâm thép mạ kẽm)
風輪(鍍鋅鐵框)



Bánh xe cao su đặc
(mâm thép sơn màu)
風硬輪(烤漆鐵框)



Bánh xe cao su đặc
(mâm thép mạ kẽm)
風硬輪(鍍鋅鐵框)



Ổ đũa
滾針軸承



Ổ bi
滾珠軸承

Kích cỡ 規格	Mâm xe 輪框	Độ dài trục bánh 軸長	Tải trọng 載重	Mã sản phẩm 型號	Ổ lăn 軸承	Các loại bánh xe 輪子樣式
8"	Mâm thép (sơn màu) 鐵框(烤漆)	95mm (3") (Trung tâm 正心)	100 kg (220 lbs)	1202-08-SA	1/2", 3/4", 5/8" Ổ bi 滾珠 3/4" Ổ đũa 滾針	
	Mâm thép (mạ kẽm) 鐵框(鍍鋅)	57mm (2-1/4") (Lệch tâm 偏心)		1202-08-SB		
	Mâm nhựa 塑框			1202-08-P		
10"	Mâm thép (sơn màu) 鐵框(烤漆)	95mm (3") (Trung tâm 正心)	150 kg (330 lbs)	1202-10-SA	1/2", 3/4", 5/8" Ổ bi 滾珠 3/4" Ổ đũa 滾針	
	Mâm thép (mạ kẽm) 鐵框(鍍鋅)	57mm (2-1/4") (Lệch tâm 偏心)		1202-10-SB		
	Mâm nhựa 塑框			1202-10-P		
11"	Mâm thép (sơn màu) 鐵框(烤漆)	95mm (3") (Trung tâm 正心)	170 kg (375 lbs)	1202-11-SA	1/2", 3/4", 5/8" Ổ bi 滾珠	
	Mâm thép (mạ kẽm) 鐵框(鍍鋅)			1202-11-SB		
	Mâm nhựa 塑框			1202-11-P		
12"	Mâm thép (sơn màu) 鐵框(烤漆)	100mm (4") (Trung tâm 正心)	190 kg (415 lbs)	1202-12-SA	1/2", 3/4", 5/8" Ổ bi 滾珠	
	Mâm thép (mạ kẽm) 鐵框(鍍鋅)			1202-12-SB		
	Mâm nhựa 塑框			1202-12-P		
14"	Mâm thép (sơn màu) 鐵框(烤漆)	100mm (4") (Trung tâm 正心)	200 kg (440 lbs)	1202-14-SA	1/2", 3/4", 5/8" Ổ bi 滾珠	
	Mâm thép (mạ kẽm) 鐵框(鍍鋅)			1202-14-SB		
	Mâm nhựa 塑框			1202-14-P		